

KẾ HOẠCH

Cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Tỉnh Hà Giang năm 2020

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020; Kết quả công bố chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (chỉ số PCI) năm 2019 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải thiện chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Hà Giang năm 2020, như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu tổng quát

- Nâng cao chất lượng điều hành của bộ máy chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở, quyết liệt cải cách hành chính nhằm xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp theo các tiêu chí sau: (1) Chi phí gia nhập thị trường thấp; (2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; (3) Môi trường kinh doanh minh bạch và công khai; (4) Chi phí không chính thức thấp; (5) Thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng; (6) Môi trường cạnh tranh bình đẳng; (7) Chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; (8) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, chất lượng cao; (9) Chính sách đào tạo lao động tốt; (10) Thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả và duy trì được an ninh trật tự.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu cải thiện và nâng cao chỉ số PCI tỉnh Hà Giang năm 2020 thuộc nhóm khá trong cả nước (thuộc top 40-50/63 tỉnh, thành phố).

- Tiếp tục duy trì, nâng cao các chỉ số thành phần có mức xếp hạng tăng; tập trung cải thiện các chỉ số thành phần có mức xếp hạng giảm (dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, tính minh bạch và thiết chế pháp lý) và thuộc nhóm xếp hạng trung bình (đào tạo lao động, chi phí không chính thức) trong năm 2019.

(Có phụ lục 1 về kế hoạch điểm số và xếp hạng chỉ số PCI năm 2020 kèm theo)

3. Yêu cầu

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc duy trì, cải thiện và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu cụ thể cấu thành lên mỗi chỉ số thành phần của chỉ số PCI. Yêu cầu các cơ quan chủ trì, đầu mối thực hiện các giải pháp phải ưu tiên tính trọng tâm, trọng điểm, cụ thể, rõ ràng phù hợp với thực tế và mang tính khả thi cao.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả triển khai thực hiện của các cấp, các ngành, địa phương, báo cáo kết quả định kỳ và theo yêu cầu của UBND tỉnh.

- Tập trung đẩy mạnh khai thác, sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành, giải quyết thủ tục hành chính để giảm thiểu tối đa các chi phí phát sinh về thời gian và tài chính cho các doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính tại tỉnh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (trọng số 20%)

- Sở Công thương chủ trì thực hiện:

+ Tiếp nhận hồ sơ và xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ thương mại cho doanh nghiệp đảm bảo thời gian theo quy định.

+ Đổi mới công tác xúc tiến thương mại; đẩy mạnh kết nối, tìm kiếm thị trường tiêu thụ các sản phẩm OCOP, sản phẩm tiêu biểu của tỉnh Hà Giang, nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở sản xuất kinh doanh tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm ổn định.

+ Phối hợp với sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 13/02/2020 của UBND tỉnh về xúc tiến, quảng bá du lịch và thương mại tỉnh Hà Giang năm 2020; Phối hợp với sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lớp tập huấn xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; Phối hợp với sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố tổng hợp thông tin về các sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh và lựa chọn, đề xuất 03 sản phẩm để phối hợp với Tập đoàn Vingroup triển khai các hoạt động từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu đề xuất với UBND tỉnh triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh cấp tỉnh, tập trung vào các đối tượng doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và vừa theo tinh thần chỉ đạo chung tại Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; Phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh thực hiện khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp và lập kế hoạch, cung cấp các khóa đào tạo về quản trị kinh doanh, kế toán tài chính phù hợp với nhu cầu; Công khai danh sách các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp đến rộng rãi cộng đồng doanh nghiệp.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Tăng cường tiếp cận và tư vấn ứng dụng công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 20/5/2016 về ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND tỉnh về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 14/01/2016 về xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 – 2020.

- Sở Tư pháp: Tham mưu cho UBND tỉnh và Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật văn bản chỉ đạo hướng dẫn công tác tuyên truyền pháp luật. Đồng thời đẩy mạnh nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp thông qua cung cấp thông tin về các văn phòng luật sư, văn phòng công chứng và danh sách luật sư, công chứng viên hoạt động trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ số Tính minh bạch (trọng số 20%)

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập danh mục các tài liệu quy hoạch, tài liệu pháp lý cần công khai và phương thức công khai, minh bạch hóa trình UBND Tỉnh xem xét, quyết định trong tháng 7/2020; Tham mưu UBND Tỉnh các giải pháp chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện việc lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND Tỉnh: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, sự tiện dụng và đa dạng thông tin trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; Trung tâm Thông tin Công báo (đơn vị thường trực Cổng thông tin điện tử tỉnh) thực hiện nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh nhằm phù hợp với xu hướng phát triển cung cấp thông tin đa dạng, thân thiện; Phối hợp với các sở, ngành công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, cung cấp thông tin theo đề nghị của doanh nghiệp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Cục thuế tỉnh: Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức công chức và thực hiện nghiêm túc 10 điều kỷ luật của ngành thuế; Tổ chức phúc tra công tác của các đoàn thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và chấn chỉnh sai sót trong quá trình làm việc tại trụ sở người nộp thuế; Kiên quyết xử lý nghiêm đối với những trường hợp sai phạm để giáo dục, răn đe làm trong sạch đội ngũ trong toàn ngành.

- Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh: Tăng cường phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách, quy định của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp.

- Các sở, ngành, địa phương: Thực hiện công khai minh bạch các quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương, các dự án đầu tư, thông tin mời thầu...và cung cấp thông tin theo đề nghị của doanh nghiệp; Công khai các thông tin được quy định tại Điều 17, Luật Tiếp cận thông tin; Cung cấp đầy đủ thông tin cho Cổng thông tin điện tử tỉnh các thông tin được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật tiếp cận thông tin và điểm d, đ, e, h, điều 10, khoản 1, 2 Điều 11 của Nghị định 43/2011/NĐ-CP, ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử.

3. Chỉ số Đào tạo lao động (trọng số 20%)

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Tập trung nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề phù hợp theo cơ cấu, trình độ, số lượng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội; Tăng cường liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài tỉnh; phối hợp

với các doanh nghiệp tuyển sinh đào tạo các nghề theo nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp; Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục hỗ trợ kinh phí để tổ chức đào tạo, đào tạo lại tay nghề cho lao động tại chỗ, đặc biệt là lao động kỹ thuật cao. Vận hành hiệu quả hệ thống thông tin thị trường lao động, dịch vụ giới thiệu việc làm, hội chợ việc làm.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đội ngũ, cơ sở vật chất trường học đáp ứng yêu cầu đào tạo chương trình giáo dục phổ thông; Thực hiện nghiêm công tác kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các Hội và Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh: Chủ động phối hợp cùng các sở, ngành, trường nghề của tỉnh rà soát, triển khai đến các hội viên là các doanh nghiệp là thành viên đăng ký nhu cầu và đặt hàng đào tạo lao động theo thực tiễn ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp.

4. Chỉ số Chi phí không chính thức (trọng số 10%)

- Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra tỉnh: Đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng đến cán bộ đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; Xây dựng văn hóa “Không đưa, nhận phong bì” trong giao dịch, giải quyết công việc; Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức, cá nhân người đứng đầu các cấp, các ngành trong thực thi công vụ; Kiên quyết, xử lý nghiêm minh những cán bộ công chức, viên chức có thái độ vòi vĩnh, nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc và công khai kết quả xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

- Các sở, ngành, địa phương: Thực hiện quyết liệt các giải pháp cắt giảm chi phí không chính thức cho doanh nghiệp đặc biệt trong thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, thủ tục đất đai, lựa chọn nhà thầu; Niêm yết công khai đường dây nóng tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa giải quyết thủ tục hành chính công các cấp và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khuyến khích Doanh nghiệp giải quyết các thủ tục hành chính thông qua phương thức giao dịch điện tử.

5. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng (trọng số 5%)

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu, đề xuất các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi các nguồn lực về đất đai, nguồn vốn tín dụng, công nghệ, thông tin mời thầu, ưu đãi đầu tư... tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh: Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục thực hiện đơn giản hóa các quy trình cung cấp dịch vụ, minh bạch thông tin về các chương trình tín dụng, các biểu phí, lãi suất, điều kiện vay vốn cho tổ chức, cá nhân, thành phần kinh tế được bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay, dịch vụ ngân hàng.

- Các sở, ngành, địa phương: Đổi mới cách thức quản lý nhà nước theo hướng tạo điều kiện thông thoáng, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp hoạt động kinh

doanh, cạnh tranh bình đẳng, công khai minh bạch thông tin cần thiết và khuyến khích thực hiện lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Chỉ số Tính Năng động (trọng số 5%)

- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND & UBND tỉnh: Đầu mối, phối hợp với các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh cụ thể hóa các quy định mới của Trung Ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy để kịp thời hướng dẫn cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp triển khai thực hiện đúng quy định, phù hợp với thực tiễn của địa phương; Tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động đường dây nóng phản ánh kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp trực tiếp với Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng kênh đối thoại này để góp ý, khuyến nghị mang tính xây dựng nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi trên địa bàn tỉnh.

- Các Hội ngành nghề và Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh: Thường xuyên duy trì công tác đối thoại doanh nghiệp, cả phê doanh nhân để lãnh đạo UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương của tỉnh trao đổi, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hiệu quả cho doanh nghiệp, đặc biệt là với các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa.

- Các sở, ngành, địa phương: Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh; Thường xuyên gặp gỡ, tiếp xúc đối thoại với các thành phần kinh tế, nhà đầu tư trên địa bàn để nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và phối hợp tốt giữa các cấp, các ngành nhằm kịp thời tháo gỡ cho doanh nghiệp.

7. Chỉ số Tiếp cận đất đai (trọng số 5%)

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp tục rà soát, chuẩn hoá TTHC về đất đai, quy trình đấu giá quyền sử dụng đất, quy trình giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; Rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức; Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tập trung kết nối tại 3 cấp xã, huyện, tỉnh; Cung cấp kịp thời thông tin về đất đai theo đề nghị của doanh nghiệp như thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thông tin thửa đất, giá đất; Tích cực phối hợp, hỗ trợ các địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB các dự án đầu tư; Phối hợp công bố công khai, rộng rãi danh mục các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh để tổ chức đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư, các khu đất đã giải phóng mặt bằng sạch; Tham mưu UBND tỉnh giải quyết triệt để, dứt điểm các vụ khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến đất đai và đề xuất giải pháp, cơ chế phòng ngừa, hạn chế thấp nhất các vụ việc khiếu nại, khiếu kiện về đất đai trong thời gian tới.

- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh: Công bố công khai thông tin quy hoạch, tình hình thuê đất tại các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu để các doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin, thuận lợi trong việc đề xuất bố trí, mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh.

- UBND các huyện, thành phố: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về chủ trương của tỉnh trong triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn nhằm tạo sự đồng thuận của nhân dân và thực hiện đầy đủ chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc chung là tính đúng, tính đủ, công khai và minh bạch.

8. Chỉ số gia nhập thị trường (trọng số 5%)

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện các giải pháp rút ngắn thời gian hoàn thành các thủ tục để doanh nghiệp chính thức hoạt động (chủ yếu các thủ tục sau cấp giấy chứng nhận ĐKDN); Phối hợp với Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, hướng dẫn cộng đồng doanh nghiệp thực hiện thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, bưu điện, TTHCC); Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT và nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng cán bộ hướng dẫn thủ tục cho doanh nghiệp; Tăng cường thực hiện công tác hậu kiểm sau ĐKDN.

- Cục thuế tỉnh: Hướng dẫn, công khai quy trình thực hiện các thủ tục kê khai thuế ban đầu (nộp thuế môn bài, đăng ký nộp thuế điện tử, đăng ký hồ sơ thuế ban đầu, mua hóa đơn hoặc đặt in hóa đơn...) sau khi doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận ĐKDN để tạo điều kiện thuận lợi, rút ngắn thời gian hoàn thành các thủ tục theo quy định.

9. Chỉ số Chi phí thời gian (trọng số 5%)

- Sở Tư pháp: Tham mưu cho UBND tỉnh và Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyên truyền pháp luật; Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tuyên truyền, cung cấp thông tin về việc khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật và cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật của tỉnh Hà Giang đến cộng đồng doanh nghiệp.

- Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của tỉnh; Nghiên cứu, đổi mới triển khai các hình thức đánh giá, động viên kịp thời cán bộ công chức, nhất là đội ngũ cán bộ công chức tại bộ phận một cửa và các bộ phận thường xuyên tiếp xúc với doanh nghiệp, chú trọng các tiêu chí cán bộ thân thiện, trách nhiệm, giải quyết công việc hiệu quả để nâng cao ý thức, trách nhiệm phục vụ, thái độ ứng xử trong công việc.

- Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra tỉnh: Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành trong xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, chấm dứt tình trạng chồng chéo về đối tượng, nội dung thanh tra. Thường xuyên cập nhật, rà soát, công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh về kế hoạch kiểm tra, thanh tra; Nghiên cứu, đề xuất đa dạng các kênh tiếp nhận thông tin, ý kiến phản hồi từ người dân, doanh nghiệp về các hành vi nhũng nhiễu của cán bộ công chức trong thực hiện hoạt động kiểm tra, thanh tra từ đó kịp thời ngăn chặn, kiểm soát sớm, đề xuất các hình thức, phương án xử lý các cá nhân, tổ chức có dấu hiệu vi phạm làm trong sạch bộ máy quản lý nhà nước của tỉnh.

- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND & UBND tỉnh: Chỉ đạo Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh phối hợp tốt với các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử:

+ Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ TTHC phù hợp với việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến để gia tăng số lượng TTHC đủ yêu cầu, điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh các giải pháp khuyến khích người dân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Tổ chức thực hiện toàn bộ quy trình theo phương án 5 tại chỗ “tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu và trả kết quả” trực tiếp tại Bộ phận Một cửa các cấp hoặc số hóa hồ sơ, ứng dụng chữ ký số để thực hiện toàn bộ hoặc một số bước thực hiện TTHC bằng phương tiện điện tử thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử nhằm rút ngắn thời gian giải quyết, tiết kiệm chi phí, thời gian cho tổ chức, cá nhân và cơ quan, đơn vị trong quá trình giải quyết TTHC; nâng cao sự công khai, minh bạch, hạn chế việc cắt khúc quy trình, những nhiễu, tiêu cực trong quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn.

- Cục thuế tỉnh: Chỉ đạo và yêu cầu các đoàn thanh tra, kiểm tra thuế tại doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các thủ tục, trình tự của mỗi cuộc thanh tra theo quy trình của Tổng cục Thuế ban hành và Luật thanh tra, các văn bản hướng dẫn thi hành; Thanh tra, kiểm tra trọng tâm, trọng điểm, đúng chính sách, chế độ về thuế và pháp luật có liên quan để giảm thời gian cho mỗi cuộc thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

10. Chỉ số Thiết chế pháp lý & An ninh trật tự (5%)

- Toà án nhân dân tỉnh: Nâng cao hiệu quả công tác xét xử đảm bảo đúng pháp luật, rút ngắn thời gian giải quyết các vụ việc kinh tế, tranh chấp hợp đồng và niêm yết, công khai các khoản án phí, lệ phí và chi phí tố tụng đã được pháp luật quy định cụ thể tại toà án hai cấp nhằm không ngừng nâng cao uy tín, lòng tin đối với cộng đồng doanh nghiệp.

- Công an tỉnh: Tăng cường công tác quản lý Nhà nước và kiểm tra kiểm soát về an ninh, trật tự xã hội để kịp thời phát hiện, xử lý tội phạm; Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tham gia tố giác nhằm phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả tội phạm trộm cắp tài sản nói chung, trộm cắp trong các doanh nghiệp nói riêng.

(Có phụ lục 02 phân công nhiệm vụ các đơn vị theo dõi các chỉ tiêu thành phần thuộc chỉ số PCI năm 2020 kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện/thành phố: Căn cứ mục tiêu các chỉ số thành phần của chỉ số PCI năm 2020 và nhiệm vụ, theo dõi các chỉ tiêu được phân công trong kế hoạch khẩn trương xây dựng chương trình hành động đưa ra các giải pháp cụ thể của từng đơn vị đảm bảo bám sát với từng chỉ tiêu. Trong chương trình hành động cần phân công trách nhiệm, vai trò người đứng đầu và giữa các phòng/đơn vị

trực thuộc để có cơ sở kiểm tra, đôn đốc kết quả thực hiện của các đơn vị. Đồng thời gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày **05/8/2019** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ và báo cáo kết quả thực hiện các giải pháp triển khai nhằm đạt mục tiêu kế hoạch gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 25 hàng tháng cuối quý.

3. Đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh phối hợp với VCCI đề xuất giải pháp tham mưu UBND Tỉnh thực hiện xây dựng và công bố chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (chỉ số DDCI); Đề nghị Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ và các Hội ngành nghề trên địa bàn tỉnh tích cực hợp tác, tăng cường đối thoại với các cấp chính quyền, tạo cơ chế thông tin hiệu quả, góp phần xây dựng bộ máy hành chính nhà nước tỉnh Hà Giang thân thiện và đồng hành cùng doanh nghiệp.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Hà Giang tích cực tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch này trong các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân; Các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố chủ động công khai minh bạch thông tin trang thông tin điện tử của đơn vị và cung cấp đầy đủ thông tin cho Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định 43/2011/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, đầu mối tổng hợp báo cáo chung, báo cáo định kỳ; chủ động, kịp thời đề xuất UBND tỉnh các giải pháp thúc đẩy việc triển khai thực hiện Kế hoạch này hiệu quả, thiết thực.

Trên đây là Kế hoạch cải thiện Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Hà Giang năm 2020, yêu cầu các sở, ban, ngành, các địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Phòng TM&CN Việt Nam (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh Hà Giang;
- T. Trục các huyện Ủy/Thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Hội và Hiệp Hội DNo tỉnh;
- CVP, các PVP Đoàn ĐBQH HĐND - UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh;
- Trung tâm - TTCB tỉnh;
- Hệ thống VnptiOffice,
- Lưu: VT, CV (NCTH).*m*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)
Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC 01**KẾ HOẠCH ĐIỂM SỐ VÀ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2020***(Kèm theo Kế hoạch số 173 /KH-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh)*

TT	Tên chỉ số thành phần	Trọng số	Điểm năm 2019	Xếp hạng năm 2019	KH Điểm năm 2020	KH Xếp hạng năm 2020	Thuộc nhóm xếp hạng năm 2020
1	Hỗ trợ doanh nghiệp	20%	5.81	45/63	6.17	30/63	Khá
2	Tính minh bạch	20%	6.34	58/63	7.1	45/63	Khá
3	Đào tạo lao động	20%	6.09	52/63	7.04	42/63	Khá
4	Chi phí không chính thức	10%	5.58	54/63	6.44	42/63	Khá
5	Cạnh tranh bình đẳng	5%	6.94	15/63	6.97	14/63	Tốt
6	Tính năng động	5%	6.08	40/63	6.95	33/63	Khá
7	Tiếp cận đất đai	5%	6.61	44/63	7.21	39/63	Khá
8	Gia nhập thị trường	5%	7.81	14/63	7.88	13/63	Tốt
9	Chi phí thời gian	5%	7.15	22/63	7.34	19/63	Khá
10	Thiết chế pháp lý	5%	6.55	31/63	6.94	28/63	Khá
	Chỉ số PCI	100%	62.62	60/63	68.71		Khá

PHỤ LỤC SỐ 02

BIỂU 2: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THEO DÕI CÁC CHỈ TIÊU THÀNH PHẦN THUỘC CHỈ SỐ PCI 2020

(Kèm theo Kế hoạch số 178 /KH-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ số	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2018	Kết quả thực hiện năm 2019	Tốt nhất 2019	Mục tiêu 2020	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Dịch vụ hỗ trợ DN	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua	16	16	20	18	Sở Công thương	Các sở, ngành liên quan; Hiệp hội DN tỉnh và UBND các huyện, Thành phố (chủ động cung cấp thông tin đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh)
		DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (TTTT)	54%	52%	78%	65%		
		DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT	86%	82%	92%	87%		
		DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (ĐTKD)	55%	50%	67%	59%		
		DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm ĐTKD	90%	61%	89%	75%		
		DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM)	64%	53%	85%	69%		
		DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM	89%	59%	88%	74%		
		DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ	46%	41%	78%	60%	Sở Khoa học và Công nghệ	
		DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ	82%	73%	92%	83%		
		DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính (KTTC)	61%	40%	85%	63%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
		DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về KTTC	88%	58%	83%	71%		
		DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (QTKD)	60%	42%	87%	65%		
		DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD	83%	70%	83%	77%		
DN từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (TVPL)	64%	61%	82%	72%	Sở Tư pháp			

		DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ TVPL	85%	65%	84%	75%		
2	Tỉnh Minh bạch	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh	76%	86%	100%	93%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, Thành phố (chủ động cung cấp thông tin đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh)
		Thông tin mời thầu được công khai	27%	42%	65%	54%		
		Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	2.49	2.51	2.81	2.66		
		Cần có 'mối quan hệ' để có được các tài liệu của tỉnh	82%	59%	43%	51%		
		Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3.06	2.92	3.37	3.15		
		'Thỏa thuận' khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng	59%	45%	36%	41%	Cục Thuế tỉnh	
		Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh	28.00	30.00	45.00	37.50	VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	
		Tỷ lệ DN truy cập vào website của tỉnh	72%	87%	95%	91%		
		Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW	7%	9%	16%	13%		
		Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp	3	5	1	3,00		
Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp	84%	56%	93%	75%				
HHDN có vai trò quan trọng trong xây dựng chính sách, quy định của tỉnh	53%	33%	62%	48%	Hiệp hội DN tỉnh			
		Tỷ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt	42%	50%	78%	64%	Sở Giáo dục và Đào Tạo	UBND các huyện, Thành phố
		Tỷ lệ DN đánh giá Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt	26%	36%	64%	50%		
		Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN	34%	39%	66%	53%		

3	Đào tạo lao động	Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN	79%	84%	96%	90%	Sở Lao động, TB và XH	Các sở, ngành liên quan, Hiệp Hội DN tỉnh, UBND các huyện/TP và Trường Cao đẳng Kinh Tế Kỹ thuật Hà Giang (chủ động cung cấp thông tin đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh)
		Tỷ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo	2%	3%	16%	10%		
		Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động	8%	14%	14%	14%		
		DN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh	59%	53%	92%	73%		
		DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL	88%	59%	84%	72%		
		Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động	7.11%	6.14%	8.46%	7%		
		Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động	3.74%	3.98%	7.76%	6%		
4	Chi phí không chính thức	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT	61%	51%	37%	44%	UBND - Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, TP
		Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu	57%	43%	19%	31%		
		Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được	84%	80%	95%	88%		
		Tỷ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT	12%	15%	1%	8%		
		Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra	41%	44%	12%	28%		
		Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT	58%	58%	74%	66%		
		Tình trạng những nhiễu khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến	61%	54%	36%	45%		
		Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai	33%	60%	0%	30%	Sở Tài Nguyên và Môi trường	
		DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến	39%	17%	11%	14%	Tòa án nhân dân tỉnh	Công an tỉnh; Các cơ quan liên quan
		Việc tinh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN"	30%	32%	20%	26%		

5	Cạnh tranh bình đẳng	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN	29%	11%	10%	11%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, Thành phố
		DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh	47%	32%	27%	30%		
		Tỉnh ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân	35%	33%	20%	27%		
		DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn	26%	14%	10%	12%		
		Ưu đãi DN lớn(nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN	68%	49%	35%	42%		
		DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai	26%	24%	14%	19%	Sở Tài Nguyên và Môi trường	
		Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ	68%	61%	51%	56%		
		DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai	27%	19%	7%	13%		
		DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản	25%	15%	7%	11%		
		DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay	25%	18%	13%	16%	Ngân hàng nhà nước CN tỉnh	
		DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN	20%	19%	6%	13%	Cục Thuế tỉnh	
		DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC	21%	19%	11%	15%	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	
		DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC	23%	18%	7%	13%		
Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện/thị	61%	54%	43%	49%	UBND các huyện, thành phố			

6	Tính năng động	Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành	77%	77%	61%	69%	Các Sở, ngành	
		UBND tỉnh vận dụng pháp luật linh hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho KTTN	75%	75%	94%	85%	VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, Thành phố
		UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh	59%	66%	85%	76%		
		Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực	47%	55%	68%	62%		
		Khi CS, PL TW có điểm chưa rõ, CQ tỉnh thường 'đợi xin ý kiến chỉ đạo' hoặc 'không làm gì	25%	38%	13%	26%		
		Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN	69%	72%	87%	80%		
		DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc	81%	100%	100%	100%		
		Tỷ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh	84%	70%	97%	84%		
7	Tiếp cận đất đai	Tỷ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có GCNQSDĐ	33%	43%	70%	57%		
		DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh	32%	51%	62%	57%		
		Giải phóng mặt bằng chậm	30%	20%	0%	10%		
		Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng	41%	40%	18%	29%		
		Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch	41%	47%	9%	28%		
		Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng	26%	36%	47%	42%		
		Không có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ nhúng nhĩnh	11%	7%	3%	5%		
		Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ	25	30	15	22.50		
		Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường	78%	78%	89%	84%		
		DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn	40%	38%	68%	53%		
DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	1.66	1.7	1.35	1.53				

8	Gia nhập thị trường	Số ngày đăng ký DN	6	3	3	3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế Tỉnh
		Số ngày thay đổi ĐKDN	5	5	2	3		
		Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động	12%	17%	0%	9%		
		Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động	0%	9%	0%	5%		
		Tỉ lệ DN đăng ký kinh doanh qua phương thức trực tuyến, TTCC, bưu điện	65%	57%	77%	67%		
		Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: thủ tục được niêm yết, công khai	69%	80%	97%	89%		
		Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ	83%	84%	100%	92%		
		Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn	38%	68%	90%	79%		
		Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện	72%	72%	91%	82%		
		Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt	28%	56%	62%	59%		
9	Chi phí thời gian	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL	43%	32%	39%	36%	Sở Tư pháp	Sở, ngành, UBND các huyện/thành phố; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
		CBCC giải quyết công việc hiệu quả	73%	83%	94%	89%	Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh	
		CBCC thân thiện	64%	77%	89%	83%	VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh)	
		DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục	54%	67%	76%	72%		
		Thủ tục giấy tờ đơn giản	57%	69%	73%	71%		
		Phí, lệ phí được niêm yết công khai	95%	86%	99%	93%		
		Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định	68%	74%	85%	80%	UBKT - Thanh tra tỉnh	
		Tỷ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm	2%	5%	0%	3%		
		Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp	11%	13%	4%	9%		
		Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ nhũng nhiễu DN	18%	15%	2%	9%		

		Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	8	16	3	9.50	Cục Thuế tỉnh	
10	Thiết chế pháp lý và ANTT	Tin tưởng HTPL sẽ đảm bảo quyền tài sản/thực thi hợp đồng của DN	79%	87%	96%	92%		Các sở, ban, ngành liên quan, Hiệp hội DN tỉnh và UBND các huyện/TP
		Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ những nhiều	29%	30%	57%	44%		
		Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện	69%	81%	90%	86%	Sở Tư pháp	
		Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN	30%	35%	61%	48%		
		DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp	43%	55%	75%	65%	Tòa án nhân dân tỉnh	
		Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật	84%	90%	99%	95%		
		Phán quyết của Tòa án là công bằng	80%	83%	95%	89%		
		Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng	65%	74%	83%	79%		
		Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng	69%	81%	89%	85%		
		Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi GQTC qua Tòa án	76%	81%	92%	87%		
		Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN	0.90	0.40	10.07	5.24		
		Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Toà án tỉnh	58%	27%	100%	64%		
		Tỷ lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm	75%	62%	100%	81%		
		Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt	68%	85%	85%	85%		
		Tỷ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua	6%	10%	5%	8%		
		CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản	90%	67%	100%	84%		
		Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn	3%	3%	0%	2%		